TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/DS-PT.
Ngày: 30/5/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2019/QĐ-PT ngày 26/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 176/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm:1969.

Địa chỉ: Số nhà B, Quốc lộ M, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Thị Quỳnh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2016 – Có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Địa chỉ: C, ấp T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim C – Giám đốc công ty.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Chung cư A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019 – Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Căn hộ M Chung cư P, tầng B, đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà T2: Bà Thái Thị Quỳnh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2017 – Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của bà Thái Thị Quỳnh N (người đại diện theo ủy quyền của bà T):

Vào ngày 24/12/2014, bà Lê Thị Thanh T có ký 02 h ợp đồng với Công ty M, trụ sở tại: C, ấp T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do bà Nguyễn Kim C làm Giám đốc, để cho Công ty M vay số tiền 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng), bà Kim C đại diện Công ty thế chấp cho bà T hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 902944 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/02/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 011460 do Sở TNMT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/01/2008, cả hai giấy chứng nhận trên đều do Công ty TNHH M đứng tên là chủ sử dụng đất.

Việc vay tiền và thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng H ngày 24/12/2014 theo các hợp đồng có số chứng nhận: 4538, 4539, quyển số 03/2014 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi công chứng hợp đồng, bà T đã giao cho bà C số tiền 1.700.000.000 đồng và bà C đã giao cho bà T giữ 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng, trả vào 24 dương lịch hằng tháng. Thời hạn vay là 24 tháng, nhưng nếu trong thời gian vay Công ty muốn chấm dứt hợp đồng thì có thể hoàn trả vốn bất cứ lúc nào.

Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán công ty TNHH M vẫn không có thiện chí thanh toán cho bà T. Từ lúc vay đến nay, Công ty cũng không trả lãi cho bà T như thỏa thuận.

Nay bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà T tổng số tiền là 2.598.875.000 đồng, trong đó:

+ Tiền gốc là 1.700.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử (từ ngày 24/12/2014 đến ngày 29/11/2018) là: 1.700.000.000 đồng x 1,125% x 47 tháng = 898.875.000 đồng.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thúy N vắng mặt tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 07/8/2017 bà N có bản tự khai trình bày:

Từ năm 2009, Công ty TNHH M do bà Nguyễn Kim C là Giám đốc có làm ăn qua lại và huy động vốn với bà Nguyễn Thị T2 nhưng trên giấy tờ ký tên là bà Lê Thị Thanh T, cụ thể: Ngày 24/12/2014, do bà T2 đi Mỹ nên yêu cầu bà C ký hợp đồng vay tiền với con gái là Lê Thị Thanh T, hợp đồng số 4539 vay số tiền là 900.000.000 đồng và hợp đồng số 4538 vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn trả tiền gốc là ngày 24/12/2016. Ngoài ra, còn nhiều hợp đồng vay tiền khác nhưng do bà C đi công tác nên bà không có để cung cấp cho Tòa án. Từ năm 2012 đến nay, do tình hình bất động sản khó khăn nên việc huy động vốn càng thêm khó khăn ảnh hưởng đến Công ty TNHH M, do vậy Công ty chậm thanh toán 02 khoản vay nói trên. Mặc dù Công ty rất khó khăn nhưng Công ty vẫn trả lãi cho bà Nguyễn Thị T2 đến năm 2015, đề nghị cho Công ty thêm thời gian để Công ty thu xếp hoàn trả.

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 - bà Thái Thị Quỳnh N trình bày:

Bà T2 là mẹ ruột của Lê Thị Thanh T và cũng là bạn thân của bà Nguyễn Kim C (là Giám đốc Công ty TNHH M). Khi Công ty M thiếu vốn kinh doanh, bà C có ngỏ ý mượn tiền để bổ sung vốn làm ăn, do bà T2 không có tiền nên đã giới thiệu bà C cho con gái mình là bà T để mượn tiền.

Ngày 24/12/2014, bà T có ký 02 hợp đồng với Công ty M do bà Nguyễn Kim C làm Giám đốc để cho Công ty M vay số tiền 1.700.000.000đ, bà C đại diện Công ty thế chấp cho bà T hai giấy chứng nhận QSD đất số K 902944 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/02/2001 và Giấy chứng nhận QSD đất số AL 011460 do Sở tài nguyên mội trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/01/2008. Cả hai giấy chứng nhận QSD đất nói trên đều do Công ty TNHH M đứng tên là chủ sử dụng đất. Việc vay mượn và thế chấp có lập hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng H.

Bà T2 khẳng định số tiền bà T cho Công ty TNHH M vay là tiền riêng của bà Lê Thị Thanh T không liên quan đến bà T2, giữa bà T2 với bà Nguyễn Kim C và Công ty TNHH M không có bất kỳ khoản nợ nào với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T thì bà T2 hoàn toàn đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào các Điều 26, 203, 220, 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T.

Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T tổng số tiền là 2.598.875.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/12/2014 đến ngày 29/11/2018 là 898.875.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí DSST: Buộc Công ty TNHH M phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 53.966.250 đồng. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền 34.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003440 ngày 11/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/12/2018, bị đơn Công ty TNHH M có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng không công nhận 02 hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 24/12/2014 vì 02 hợp đồng này chưa hoàn thành do không đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 11/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có Quyết định kháng nghị số 29a/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và về án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, việc không đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất không ảnh hưởng đến quan hệ vay, tài sản thế chấp chỉ để đảm bảo thi hành án, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T, buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T tổng số tiền là 2.598.875.000 đồng là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Về nội dung kháng nghị, vụ án này thụ lý vào ngày 06/02/2017 thì phải áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Pháp

lệnh Án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 để tính án phí, buộc bị đơn phải nộp 53.966.250 đồng án phí là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố B, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH M trong hạn luật định, công ty đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Vào ngày 24/12/2014, giữa bà Lê Thị Thanh T và Công ty TNHH M do bà Nguyễn Kim C làm Giám đốc có ký 02 hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản, số tiền vay 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật trả vào 24 dương lịch hàng tháng và thời hạn vay là 24 tháng. Công ty TNHH M thế chấp cho bà T hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 902944 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/02/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 011460 do Sở TNMT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/01/2008, cả hai giấy chứng nhận trên đều do Công ty TNHH M đứng tên là chủ sử dụng đất. Việc vay tiền và thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng H ngày 24/12/2014 theo các hợp đồng có số chứng nhận: 4538, 4539, quyển số 03/2014 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi công chứng hợp đồng, bà T đã giao cho bà C số tiền 1.700.000.000đ và bà C đã giao cho bà T giữ 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Phía bị đơn cho rằng Công ty TNHH M vay tiền của bà Nguyễn Thị T2 chứ không phải của bà T và Công ty vẫn trả lãi cho bà Nguyễn Thị T2 đến năm 2015; tuy nhiên, việc này không được bà T2 và bà T thừa nhận, Công ty TNHH M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Như vậy, đã quá thời hạn theo thỏa thuận, Công ty TNHH M vẫn không thanh toán tiền lãi và tiền nợ gốc cho bà T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/12/2014 đến ngày 29/11/2018 số tiền 898.875.000 đồng, tổng cộng 2.598.875.000 đồng là có căn cứ. Việc Công ty TNHH M kháng cáo yêu cầu không công nhận 02 hợp đồng vay tiền ngày 24/12/2014 là không có cơ sở vì hợp đồng vay tài sản không quy định phải đăng ký, việc không đăng ký thế chấp không ảnh hưởng đến quan hệ vay. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH M, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 902944 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/02/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL

011460 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/01/2008 do Công ty TNHH M đứng tên dùng thế chấp để vay số tiền 1.700.000.000 đồng nói trên, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không có yêu cầu nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng, các đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

[4] Về nội dung kháng nghị: Vụ án này thụ lý vào ngày 06/02/2017 nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 để tính án phí và buộc bị đơn phải nộp 53.966.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí và buộc Công ty TNHH M phải chịu 83.977.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T: Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 898.875.000 đồng, tổng cộng là 2.598.875.000 đồng (Hai tỷ năm trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

2. Về án phí: Công ty TNHH M phải chịu 83.977.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp theo biên lai thu số 0003589 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, Công ty TNHH M còn phải nộp tiếp 83.677.500 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền 34.500.000đ (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003440 ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cụcTHADS Tp. Biên Hòa;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhu